

Số: 237/2023/QĐST-HNGĐ

B, ngày 27 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị V, sinh năm: 1974

Nơi sinh sống hiện nay: 156/3/1/4, tổ 2, khu phố 3, phường A, TP B, Đ.

Bị đơn: Ông Phạm Thế V, sinh năm: 1971

Nơi sinh sống hiện nay: 156/3/1/4, tổ 2, khu phố 3, phường A, TP. B, Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 10 Luật hôn nhân gia đình 2000.

Căn cứ vào Điều 55, 131 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị V và ông Phạm Thế V về việc “Ly hôn”.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị V và ông Phạm Thế V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung là Phạm Phương Uyên, sinh ngày 08/9/2002 và cháu Phạm Phú Quý, sinh ngày 16/9/2006, hiện cháu Uyên đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, còn cháu Quý giao cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: ông V cấp dưỡng nuôi cháu Quý 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ tháng kể từ ngày có quyết định cho đến khi cháu Quý trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông V được quyền qua lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Đỗ Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006101 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Ủy ban nhân dân nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Cẩm